

Số 4868 /BTC-NSNN**Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2018**

V/v đánh giá chính sách hỗ trợ tiền điện
cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và kế hoạch được giao tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 22/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch rà soát, tích hợp chính sách giảm nghèo giai đoạn 2017-2018; Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại khoản 2 Mục 3 Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 22/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ: “*Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nghiên cứu, rà soát, kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung chính sách bảo đảm phù hợp với thực tế; tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách,...*”; Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố):

- Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2017 và dự toán năm 2018 của chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội không thuộc hộ nghèo có lượng điện sử dụng dưới 50kWh/tháng, hộ chính sách xã hội không thuộc hộ nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số vùng chưa có điện lưới (biểu đính kèm), khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và kiến nghị, đề xuất.

- Có ý kiến đối với dự thảo Công văn trình Thủ tướng Chính phủ của Bộ Tài chính về việc tích hợp chính sách hỗ trợ tiền điện và đề xuất phương thức hỗ trợ tiền điện (đính kèm).

Ý kiến, tham gia gửi về Bộ Tài chính trước ngày 18./5./2018 để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Tài chính thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương biết và chỉ đạo các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP;
- Bộ Công Thương;
- Bộ LĐTBXH;
- UBNDT;
- STC các tỉnh (TP) trực thuộc TW;
- Vụ HCSN, Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, NSNN (136b).

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà

TỈNH (TP):
Đính kèm Công văn số **A868/BTC-NSNN** ngày **27** tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài chính

[illegible]

Số: /BTC-NSNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

V/v rà soát, tích hợp chính sách
hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo,
hộ chính sách xã hội

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 22/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch rà soát, tích hợp chính sách giảm nghèo giai đoạn 2017-2018; sau khi tổng hợp ý kiến của Bộ Công Thương, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH), Ủy ban Dân tộc và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ về việc tích hợp Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện và Quyết định số 60/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện; đồng thời đề xuất thay đổi phương thức hỗ trợ tiền điện như sau:

1. Về chính sách hỗ trợ tiền điện giai đoạn 2011-2018:

Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo do Bộ Công Thương chủ trì, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 268/QĐ-TTg ngày 23/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về biểu giá bán lẻ điện; từ ngày 01/3/2011 đến ngày 31/5/2014 các hộ nghèo được hỗ trợ giá điện cho 50kWh/tháng, mức hỗ trợ là 30.000 đồng/hộ/tháng.

Thực hiện Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện và Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ¹ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện; hộ nghèo, hộ chính sách xã hội (không thuộc hộ nghèo) có lượng điện sử dụng dưới 50kWh, hộ chính sách xã hội (không thuộc hộ nghèo) và đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng chưa có điện lưới (sau đây gọi tắt là hộ nghèo và hộ CSXH) được nhà nước hỗ trợ tương đương tiền điện sử dụng 30kWh/hộ/tháng tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành. Khi cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 tăng, giảm so với hiện hành thì nhà nước điều chỉnh kịp thời mức hỗ trợ tiền điện hàng

¹ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định.

tháng tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 đã điều chỉnh².

Về cơ chế hỗ trợ tiền điện từ ngân sách nhà nước (NSNN) giai đoạn 2011-2018:

- Năm 2011, 2012, Ngân sách trung ương đảm bảo 100% kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo theo quy định tại Quyết định số 2409/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Giai đoạn 2013-2016, chính sách hỗ trợ tiền điện được thực hiện theo cơ chế hỗ trợ từ ngân sách trung ương (NSTW) cho ngân sách địa phương (NSDP) thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo quy định tại Công văn số 677/TTg-KTTH ngày 22/5/2012 và Công văn số 264/TTg-KTTH ngày 19/02/2016 của Văn phòng Chính phủ; theo đó: (a) NSTW hỗ trợ 100% kinh phí cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách và tỉnh Quảng Ngãi; (b) NSTW hỗ trợ 50% kinh phí cho các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về NSTW dưới 50%; (c) các địa phương còn lại do NSDP tự đảm bảo.

- Từ năm 2017, chính sách hỗ trợ tiền điện được thực hiện theo cơ chế hỗ trợ từ NSTW cho NSDP thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017-2020 theo quy định tại Quyết định 579/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Văn phòng Chính phủ; theo đó, NSTW hỗ trợ tối đa: (a) 100% nhu cầu kinh phí tăng thêm cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách; (b) 80% nhu cầu kinh phí tăng thêm cho các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về NSTW từ 10% trở xuống và tỉnh Quảng Ngãi; (c) 50% nhu cầu kinh phí tăng thêm cho các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về NSTW từ trên 10% đến 50%; (d) 30% nhu cầu kinh phí tăng thêm cho các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về NSTW từ trên 50% đến 60%; (đ) Các địa phương còn lại do ngân sách địa phương đảm bảo. Trường hợp các địa phương có nguồn cải cách tiền lương còn dư, sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu cải cách tiền lương trong năm, thì sử dụng để chi trả thay phần NSTW hỗ trợ để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành (giảm tương ứng phần NSTW phải hỗ trợ theo chế độ).

Ngày 11/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 190/2014/TT-BTC quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội; theo đó, tại khoản 6 Điều 5, Bộ Tài chính đã hướng dẫn các địa phương thực hiện chi trả cho đối tượng thụ hưởng chính sách như sau:

“Ủy ban nhân dân cấp xã: Thực hiện rút kinh phí, phân công cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội, cán bộ làm công tác giảm nghèo, trường thôn, ấp, bản tổ chức thực hiện chi trả bằng tiền mặt trực tiếp đến từng hộ nghèo

² - Từ ngày 01/6/2014 đến ngày 15/3/2015 mức hỗ trợ là 46.000 đồng/hộ/tháng theo Công văn số 4887/QĐ-BCT ngày 30/5/2014 của Bộ Công Thương về giá bán điện.

- Từ ngày 16/3/2015 đến ngày 30/11/2017 mức hỗ trợ là 49.000 đồng/hộ/tháng theo Công văn số 2256/QĐ-BCT ngày 12/3/2015 của Bộ Công Thương về giá bán điện.

- Từ ngày 01/12/2017 đến nay mức hỗ trợ là 51.000 đồng/hộ/tháng theo Công văn số 2256/QĐ-BCT ngày 12/3/2015 của Bộ Công Thương về giá bán điện.

và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện trên địa bàn mỗi quý 1 lần và hoàn thành chi trả trước ngày 25 của tháng thứ 2 trong quý. Trường hợp quý sau căn cứ hóa đơn thanh toán tiền điện của hộ chính sách xã hội nếu vượt sản lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt (trên 50 kWh) trong tháng của quý trước, thì số tiền thanh toán cho đối tượng được hưởng điều chỉnh giảm (hoặc thu hồi) vào quý sau.

Căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hình thức chi trả phù hợp và thuận lợi cho hộ gia đình (Địa điểm tập trung tại nhà văn hóa tổ dân phố, thôn, xóm hoặc tại nhà từng hộ gia đình). Số tiền hỗ trợ được cấp đủ một lần theo định mức, trực tiếp cho người nhận là chủ hộ hoặc thành viên trong hộ, trường hợp đặc biệt hộ gia đình được hỗ trợ tiền điện không có người nhận tiền trực tiếp thì viết giấy ủy quyền cho người nhận thay, người nhận tiền phải ký nhận và ghi rõ họ tên vào danh sách hộ nhận hỗ trợ tiền điện.”.

Nhìn chung, trên cơ sở các chính sách an sinh xã hội hiện hành, tình hình thực tế ở địa phương và cơ sở thống nhất của các Bộ, ngành nên văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ CSXH được ban hành kịp thời, cụ thể và thuận tiện cho việc thực hiện chính sách tại các địa phương.

2. Về kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện giai đoạn 2011-2018:

Trên cơ sở báo cáo của Bộ Công Thương, Bộ LĐTBXH, Ủy ban Dân tộc và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ CSXH, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện chính sách giai đoạn 2011-2017, cụ thể:

Giai đoạn 2011-2017, NSNN đã hỗ trợ tiền điện cho khoảng 2.530 nghìn hộ nghèo, hộ CSXH với kinh phí từ ngân sách nhà nước khoảng 7.855 tỷ đồng, trong đó, NSTW đã hỗ trợ khoảng 7.352 tỷ đồng.

Năm 2018, NSNN đã bố trí khoảng 1.024 tỷ đồng (trong đó, NSTW hỗ trợ là 745 tỷ đồng) để thực hiện hỗ trợ tiền điện cho khoảng 2.111 nghìn hộ nghèo, hộ CSXH.

Trong quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện giai đoạn 2011-2018, các địa phương có gặp một số khó khăn và vướng mắc sau: *(Bộ Tài chính sẽ tổng hợp trên cơ sở báo cáo của các Bộ, địa phương)*

**Về ưu, nhược điểm của chính sách hỗ trợ tiền điện:*

- Ưu điểm: (1) Việc hỗ trợ tiền điện là chính sách an sinh xã hội của nhà nước nhằm giảm bớt khó khăn do tác động của biến động giá điện đối với hộ nghèo, hộ CSXH (đặc biệt là người nghèo ở vùng sâu, vùng xa, người dân tộc thiểu số, hộ gia đình CSXH có mức tiêu thụ điện thấp (50kWh/hộ/tháng) và hộ gia đình CSXH, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng chưa có điện lưới), đảm bảo mọi người dân đều có điện để thắp sáng và sinh hoạt; (2) Trên cơ sở thống nhất của Bộ, ngành, Bộ Tài chính đã xây dựng, hướng dẫn việc thực hiện chi trả hỗ trợ tiền điện cho đối tượng thụ hưởng chi tiết đến cấp xã, thôn, hộ gia đình.

- Nhược điểm: (1) Phạm vi đối tượng hỗ trợ rộng, thay đổi thường xuyên do quy định hộ CSXH phải có lượng điện sử dụng dưới 50kWh/tháng và hộ CSXH, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng chưa có điện lưới (không phân biệt giàu nghèo); (2) Định mức hỗ trợ của chính sách không lớn (hiện nay là 51.000 đồng/hộ/tháng); (3) Chính sách hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng trực tiếp bằng tiền mặt (hỗ trợ cho không) nên chỉ thích hợp trong thời gian ngắn hạn, hiệu quả lâu dài còn hạn chế và thiếu tính bền vững, một số bộ phận người nghèo, hộ CSXH còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước, không có ý thức tham gia phát triển sản xuất, tự vươn lên thoát nghèo; (4) Việc chi trả tiền mặt đến hộ gia đình ở vùng sâu, vùng xa nhiều lúc còn khó khăn do khoảng cách và địa hình phức tạp, nhất là ở các địa bàn miền núi (công sức đi xa trong khi số tiền nhận hỗ trợ thấp); (5) hộ nghèo, hộ CSXH được hưởng nhiều chính sách an sinh xã hội theo nhiều lĩnh vực nên nguồn lực bị phân tán.

3. Về một số chính sách giảm nghèo và đề xuất phương hướng hỗ trợ tiền điện giai đoạn 2018-2020:

3.1 Về một số chính sách giảm nghèo (Bộ LĐTBXH có ý kiến):

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư.

Giai đoạn 2011-2015, việc tập trung thực hiện thành công Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và các chương trình giảm nghèo đã tạo điều kiện để người nghèo tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản; cơ sở hạ tầng của các huyện, xã nghèo được tăng cường; đời sống người nghèo được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo cả nước đã giảm từ% năm 2011 xuống còn% năm 2015. Tuy nhiên, kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, số hộ đã thoát nghèo nhưng mức thu nhập nằm sát ngưỡng chuẩn nghèo còn lớn, tỷ lệ hộ tái nghèo hàng năm còn cao (trung bình hàng năm khoảng%); chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư vẫn còn khá lớn, đời sống người nghèo nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là ở khu vực miền núi, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Để tạo sự chuyển biến mới, tích cực hơn trong công tác giảm nghèo, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành: Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 phân loại các đối tượng nghèo để có cách xử lý, hỗ trợ cho phù hợp và Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020³; theo đó quy định 04 dự án phân loại theo địa bàn và mục tiêu thực hiện; Quyết định đã tích hợp một số chính sách giảm nghèo, chương trình mục tiêu vào Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Chương trình 30a, Chương trình 135 để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ

³ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan thực hiện Chương trình.

trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã, thôn ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài,...

Ngoài Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 nêu trên, nhà nước đã ban hành các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội để giảm khó khăn cho người dân trong cuộc sống, tạo điều kiện để người nghèo vươn lên thoát nghèo như: a) hỗ trợ về giáo dục: miễn giảm học phí, chi phí học tập cho học sinh con hộ nghèo, chính sách xã hội theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, hỗ trợ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú theo Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ, hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn ĐBKK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, hỗ trợ ăn trưa với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ, chính sách hỗ trợ giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính,...; b) hỗ trợ về y tế: hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, trẻ em, người sống vùng ĐBKK, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn, người sống tại huyện đảo, xã đảo, học sinh, sinh viên; c) chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ; d) chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 và đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025; e) trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;...

3.2 Đề xuất thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện giai đoạn 2018-2020:

Nội dung của kế hoạch rà soát, tích hợp chính sách giảm nghèo giai đoạn 2017-2018 đã nêu việc xây dựng, tích hợp, bãi bỏ chính sách theo hướng **giảm chính sách hỗ trợ cho không, tăng chính sách hỗ trợ có điều kiện** gắn với đối tượng, địa bàn và thời hạn thụ hưởng nhằm tăng cơ hội tiếp cận chính sách và khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo và tăng nguồn lực đầu tư và cân đối nguồn lực trung hạn của Nhà nước cho các chính sách, chương trình giảm nghèo; ưu tiên nguồn lực đầu tư cho hỗ trợ tạo sinh kế và phát triển vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, huyện nghèo, xã nghèo, xã biên giới, xã an toàn khu, xã, thôn, bản ĐBKK, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo.

Trên cơ sở báo cáo và đề xuất của Bộ Công Thương, Bộ LĐTBXH, Ủy ban Dân tộc, 63 UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ tích hợp chính sách hỗ trợ tiền điện giai đoạn 2019-2020 theo 02 Phương án sau:

- **Phương án 1:** Bãi bỏ chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ CSXH do chính sách này là chính sách hỗ trợ cho không, mức hỗ trợ thấp (khoảng

600.000 đồng/hộ/năm), không gắn với điều kiện để khuyến khích sự tích cực chủ động tham gia sản xuất, tăng thu nhập của người nghèo và không phù hợp với định hướng giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ hướng đến giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, tạo sinh kế cho người dân và tạo điều kiện cho người dân tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin),...

+ Ưu điểm: (1) Đảm bảo nguyên tắc hạn chế các chính sách hỗ trợ cho không, tăng chính sách hỗ trợ có điều kiện theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 22/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, tích hợp chính sách giảm nghèo 2017-2020 để khuyến khích người nghèo chủ động, tích cực tham gia để thoát nghèo, chủ động trong sản xuất, tạo sinh kế, hạn chế sự ỷ lại, trông chờ vào tiền hỗ trợ của nhà nước và hướng tới mục tiêu giảm nghèo bền vững; (2) Việc bãi bỏ chính sách sẽ tiết kiệm được nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước hàng năm; trên cơ sở đó, ngân sách nhà nước sẽ có thêm nguồn lực để bố trí vốn, kinh phí thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội khác.

+ Nhược điểm: Việc chuyển đổi hình thức từ hỗ trợ trực tiếp sang hình thức hỗ trợ gián tiếp sẽ tác động đến cuộc sống của hộ nghèo, hộ CSXH trong thời gian đầu. Do đó, nhà nước phải tăng cường thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo khác có hiệu quả giúp người dân từng bước ổn định sản xuất, tự vươn lên thoát nghèo.

Trường hợp theo phương án này: do Bộ Công Thương là Bộ chủ trì trình Thủ tướng ban hành Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công Thương chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định bãi bỏ chính sách hỗ trợ tiền điện, Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc phối hợp.

- **Phương án 2:** Tích hợp chính sách hỗ trợ tiền điện theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 và Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ vào Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Đồng thời, trình Thủ tướng Chính phủ cho phép bổ sung nguồn lực năm 2019-2020 để thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện.

+ Ưu điểm: (1) Tập trung đầu mối quản lý nhà nước về các chính sách giảm nghèo; (2) các chính sách an sinh xã hội được lồng ghép sẽ góp phần đẩy nhanh mục tiêu giảm nghèo.

+ Nhược điểm: (1) không đảm bảo nguyên tắc xây dựng, sửa đổi chính sách theo hướng giảm chính sách hỗ trợ cho không, tăng chính sách hỗ trợ có điều kiện để khuyến khích người nghèo vươn lên thoát nghèo tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; (2) Chính sách tiếp tục hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng trực tiếp bằng tiền mặt (hỗ trợ cho không) nên hiệu quả lâu dài còn hạn chế và thiếu tính bền vững, một số bộ phận người nghèo sẽ vẫn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước.

Trường hợp theo phương án này: do Bộ LĐTBXH là Bộ chủ trì thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ giao Bộ LĐTBXH chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện tích hợp chính sách hỗ trợ tiền điện vào CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc phối hợp.

Về Phương án lựa chọn:

Hiện nay, nhà nước đã ban hành các chính sách hỗ trợ cho người nghèo, người cận nghèo, người sống vùng ĐBKK, người sống vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo, người dân tộc thiểu số tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin), người thuộc đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng chính sách trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ,...

Kết hợp với các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo để giảm bớt khó khăn và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản nêu trên, tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (Tiểu dự án 3, Dự án 1 – Chương trình 30a), xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn bản ĐBKK (Tiểu dự án 2, Dự án 2 – Chương trình 135) và trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (Dự án 3) nhằm hỗ trợ sinh kế, tăng thu nhập cho người nghèo để từ đó nâng cao chất lượng cuộc sống và hướng tới mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Căn cứ vào các chính sách giảm nghèo hiện hành, ưu nhược điểm của các phương án nêu trên; thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội, Quyết định số 1259/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (giảm chính sách hỗ trợ cho không, tăng chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời gian thụ hưởng nhằm tăng cơ hội tiếp cận chính sách, khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo); Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ lựa chọn phương án 1; đồng thời, giao Bộ Công Thương chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định bãi bỏ chính sách hỗ trợ tiền điện theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg, do Bộ Công Thương là Bộ chủ trì trình Thủ tướng ban hành Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.

Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP;
- Bộ Công Thương;
- Bộ LĐTBXH;
- Ủy ban Dân tộc;
- Vụ Hành chính sự nghiệp;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, NSNN (12b).

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**